

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2018
V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Triệu Thúy H.**, Sinh năm: 1986; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C., xã T., huyện T., Thành phố Hà Nội; Trú tại: 315 A1 phường Q., quận H., Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đăng V.**, Sinh năm: 1982; Đăng ký hộ khẩu thường trú: 315 A1 phường Q., quận H., Thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: Đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 – Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Triệu Thúy H.:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/6/2018, bản tự khai ngày 18/7/2018 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thúy H. trình bày:

- Về tình cảm: Chị Triệu Thúy H. và anh Nguyễn Đăng V. đăng ký kết hôn ngày 15/7/2010 tại Ủy ban nhân dân phường phường Q., quận H., Hà Nội, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh V. không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Anh V. nghiện ma túy nên phải đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 từ ngày 22/3/2018 cho đến nay. Quá trình chung sống, chị H. đã nhiều lần khuyên bảo anh V. nhưng anh V. vẫn không thay đổi. Do tình cảm vợ chồng không cải thiện được nên từ tháng 3/2017 vợ chồng chị đã sống ly thân, chị H. đã về nhà bố mẹ để ở cho đến tháng 10/2017 đến nay, chị H. cùng 02 con lại quay về ở tại số 315 A1 phường Q., quận H., Hà Nội.

Đến nay chị H. xác định không còn tình cảm với anh V., vợ chồng từ lâu sống không có hạnh phúc, vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. để chị có điều kiện ổn định cuộc sống và chăm sóc nuôi dạy các con.

- Về con chung, chị H. trình bày: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Đăng V., sinh ngày 03/10/2010 và Nguyễn Ngọc H., sinh ngày 27/11/2016, hiện nay sức khỏe của các con bình thường. Khi ly hôn, chị H. có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Thu nhập hiện nay của chị khoảng 12.000.000 đồng/tháng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H. không yêu cầu anh V. cấp dưỡng nuôi con do anh V. đang đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Vợ chồng anh chị không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Vợ chồng anh chị không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Ý kiến của Bị đơn anh Nguyễn Đăng V.:

Tại Bản tự khai ngày 13/7/2018 tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 – Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Hà Nội, anh Nguyễn Đăng V. có ý kiến như sau:

- Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh V. xác nhận đúng như chị H. trình bày. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau nên anh buồn chán dẫn đến nghiện ma túy. Hiện nay, anh đang phải cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy. Quá trình vợ chồng chung sống, anh chưa chăm lo chu đáo cho chị H. và hai con. Nay chị H. làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên anh đồng ý ly hôn chị H.. Anh V. đề nghị Tòa án không phải tiến hành hòa giải, anh không có ý kiến thắc mắc gì và cũng không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án.

- Về con chung: Anh V. xác nhận anh và chị H. có 02 con chung tên là Nguyễn Đăng V., sinh ngày 03/10/2010 và Nguyễn Ngọc H., sinh ngày 27/11/2016, hiện nay sức khỏe của các con bình thường. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị H. trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do hiện nay anh đang đi cai nghiện nên anh đề nghị được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh V. xác nhận anh và chị H. không có tài sản chung và nhà ở chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh V. xác nhận vợ chồng anh không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngày 03/8/2018, anh Nguyễn Đăng V. có đơn gửi Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng với nội dung: Anh đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, anh đồng ý ly hôn chị H. và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Anh không có ý kiến gì khác, anh giữ nguyên ý kiến tại bản tự khai của mình.

3. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

- Tại Biên bản làm việc ngày 19/7/2018, đại diện địa phương nơi cư trú của chị H. và anh V. cung cấp như sau: Quá trình chung sống tại địa phương, khoảng năm 2014, vợ chồng anh V. chị H. phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V. không lo làm ăn, nghiện ma túy, vợ chồng đã có lần xảy ra đánh nhau. Hiện nay, anh V. đang đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện số 7, chị H. và 02 con chung của anh chị đang ở tại P315 A1 phường Q., quận H., Thành phố Hà Nội. Nay chị H. làm đơn xin ly hôn anh V., Tổ dân phố đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, nếu không đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2018, cháu Nguyễn Đăng V. con chung của anh chị có ý kiến được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

5. Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, chị H. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, mâu thuẫn vợ chồng chị là trầm trọng và không thể giải quyết, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị xác định không còn tình cảm với anh V. nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn. Sau khi ly hôn, chị và các con sẽ tự lo chỗ ở mới, không có yêu cầu gì đối với anh V. về chỗ ở và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung, chị H. vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị có công việc và thu nhập ổn định đủ nuôi sống bản thân và các con, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai

con chung. Chị không yêu cầu anh V. cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung, chị xác nhận vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V. vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định như sau: Chị H. và anh V. kết hôn hợp pháp. Quan hệ tình cảm của chị H. và anh V. không còn, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng đã dẫn đến cuộc sống ly thân, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, chị H. và anh V. đều đồng ý ly hôn nên yêu cầu của chị H. xin ly hôn anh V. là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H., cho chị H. được ly hôn anh V..

Về con chung: Vợ chồng chị H. anh V. có 02 con chung tên là Nguyễn Đăng V., sinh ngày 03/10/2010 và Nguyễn Ngọc H., sinh ngày 27/11/2016, sức khỏe bình thường hiện đang ở với chị H.. Chị H. và anh V. đều có ý kiến đồng ý để chị H. trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung nên giao con cho chị H. nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với các điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: Chị H. và anh V. đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Nguyên đơn chị Triệu Thúy H. khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Đăng V., đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh V. có hộ khẩu thường trú tại 315 A1 phường Q., quận H., Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, anh V. đã được tổng đạt trực tiếp các Văn bản tố tụng sau: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc tổng đạt văn bản tố tụng là hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V. đã có lời khai đồng ý ly hôn chị H. và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V. theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thúy H. và anh Nguyễn Đăng V. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Q., quận H., Hà Nội, thể hiện là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng chị H. anh V. sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp dẫn đến vợ chồng sống ly thân một thời gian. Anh V. nghiện ma túy nên đã phải đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy từ tháng 3/2018 đến nay. Cả chị H. và anh V. đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để mỗi người có điều kiện ổn định cuộc sống. Từ đó thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng và không có khả năng khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H. là phù hợp với các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. đối với anh V..

[5]. Về con chung: Xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Đăng V., sinh ngày 03/10/2010 và Nguyễn Ngọc H., sinh ngày 27/11/2016, sức khỏe các con chung bình thường, hiện ở với chị H.. Chị H. và anh V. đều có yêu cầu Tòa án giao cho chị H. trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Do đó, có căn cứ giao các con chung cho chị H. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh V. có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H. và anh V. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: Chị H. và anh V. đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị H. tự lo chỗ ở mới, không có yêu cầu gì với anh V. về chỗ ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Chị H. là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 271; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thúy H. đối với anh Nguyễn Đăng V.. Chị H. được ly hôn anh V..

2. Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Đăng V., sinh ngày 03/10/2010 và Nguyễn Ngọc H., sinh ngày 27/11/2016, sức khỏe các con chung bình thường, hiện ở với chị H.. Khi ly hôn, giao cả hai con chung Nguyễn Đăng V. và Nguyễn Ngọc H. cho chị H. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H. và anh V. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đăng V. Việt có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Chị H. và anh V. xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thúy H. phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004041 ngày 10/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, chị H. đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Q., quận H.,, Hà Nội (Số 68, quyển số 01/2010 ngày 15/7/2010);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Phương